



ĐK-103

CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM
QUALITY ASSURANCE OF VIETNAM COMPANY LIMITED

GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ Date:

Số/ N^o: **A1022207046**

Trang/ Page: 1/3



1. Phương tiện đo/ Object: **ĐỒNG HỒ ĐO NHIỆT ĐỘ & ĐỘ ẨM/ THERMO-HYGROMETER**
2. Hãng sản xuất/ Manufacturer: **EXTECH**
3. Kiểu/ Model: **SD500**
4. Số hiệu/ SN: **A.024955**
5. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification:

Số nhận dạng/ ID: **46**

- + Độ phân giải nhiệt độ/ Resolution: **0,1 °C**
- + Độ phân giải độ ẩm/ Resolution: **0,1 %RH**

- + Thang đo nhiệt độ/ Temperature range: **0 ÷ 50 °C**
- + Thang đo độ ẩm/ Humidity range: **10 ÷ 90 %RH**
- + Loại nhiệt ẩm kế/ Type: **Digital**

6. Khách hàng/ Customer: **CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM**
7. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**
8. Nơi bảo trì/ Place of maintenance: **Phòng hiệu chuẩn 1**
9. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**
10. Phương pháp bảo trì/ - Maintenance method: **A-00 - /**
11. Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

12. Môi trường bảo trì/ maintenance environment:

Nhiệt độ/ Temperature: **[25,3 ÷ 25,1] °C**

Độ ẩm/ Humidity: **[62,3 ÷ 60] %RH**

13. Ngày bảo trì/ Date of maintenance: **15/03/2024**
14. Ngày bảo trì lại theo yêu cầu của khách hàng/
Remaintenance date as request of customer: **15/03/2025**
15. Tem bảo trì/ maintenance label: **A046**

A O V

1. Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.

A-00-02

Trụ sở chính: Tầng 4, tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hoàng Mai, Hà Nội
Tel: 0242 2136 935 Email: info@aov.vn

VPDD: 54 Trần Khánh Dư, Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 0283 5106 995 Website: www.aov.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ Date:

Số/ N^o: **A1022207046**

Trang/ Page: 2/3



KẾT QUẢ BẢO TRÌ/
RESULTS OF MAINTENANCE

⁽¹⁾: Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy $P = 0,95$ / Expanded uncertainty of measurement is stated as standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k=2$, which for a normal distribution corresponds to a probability of approximately 95%.

1. Nội dung bảo trì/ Content maintenance

- Kiểm tra thiết bị trước bảo trì/ Test before maintenance:

- Thiết bị hiển thị, hoạt động bình thường/ Device display, normal operation.

- Kiểm tra bên ngoài/ Check outside:

- Thông tin thiết bị đầy đủ, rõ ràng/ Full and clear device information.

- Kiểm tra kỹ thuật/ Technical inspection:

- Hệ thống phím bấm, hiển thị hoạt động bình thường/ Key system, display works normally.

- Thực hiện bảo trì/ Perform:

+ Bảo trì bên ngoài thiết bị/ External maintenance of equipment

- Vệ sinh nắp đậy phía trên thiết bị/ Clean the top cover of the device.
- Vệ sinh thân thiết bị, làm sạch bề mặt sau lưng của thiết bị/ Clean the device body, clean the back surface of the device.
- Kiểm tra, vệ sinh các vị trí tiếp xúc như: chỗ tiếp xúc pin, đầu dò .../ Check and clean contact positions such as battery contacts, probes...
- Kiểm tra, vệ sinh màn hình hiển thị/ Check and clean the display screen.

+ Bảo trì bên trong khoang làm việc/ Maintenance inside the working compartment:

- Kiểm tra, vệ sinh hệ thống hiển thị của thiết bị/ Check and clean the display system of the device.

- Kiểm tra sau bảo trì/ Test after maintenance:

- Đặt thiết bị ghi nhiệt độ, độ ẩm vào tủ tạo nhiệt ẩm chuẩn/ Put the temperature and humidity recording device in the standard humidification cabinet
- Cài đặt nhiệt độ, độ ẩm cần kiểm tra/ Temperature and humidity setting to be checked.
- Vận hành tủ, đợi nhiệt ẩm kế hoạt động ổn định/ Cabinet operation, wait for thermal hydrometer is stable.
- Tiến hành ghi số liệu sau bảo trì/ Record data after maintenance.

Kiểm tra độ đúng và lặp lại của thiết bị/ Check the trueness and repeatability of the device:

Điểm kiểm tra/ Test marks	TB-66	TB-46	Sai lệch/ Error
Nhiệt độ 20oC/ Temperature 20oC	20.32	20.4	0.1
Nhiệt độ 25oC/ Temperature 25oC	25.15	25.0	-0.1
Nhiệt độ 30oC/ Temperature 30oC	30.23	30.1	-0.1
Nhiệt độ 40oC/ Temperature 40oC	40.13	40.0	-0.1

1. Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.



GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ Date:

Số/ N^o: A1022207046

Trang/ Page: 3/3

Độ ẩm 40%/ Humidity 40%	40.02	55.5	15.5
Độ ẩm 50%/ Humidity 50%	50.03	63.7	13.7
Độ ẩm 60%/ Humidity 60%	60.11	70.7	10.6
Độ ẩm 70%/ Humidity 70%	70.02	78.5	8.5
Độ ẩm 80%/ Humidity 80%	80.05	85.0	5.0

2. Kết luận sau khi bảo trì/ Concluded after maintenance:

- Đầu dò ẩm của thiết bị cho kết quả có sai số lớn/ The instrument's humidity probe gives results with large errors.
- Thiết bị bị mất nắp bảo vệ đầu dò/ The device has lost its probe protective cap.

--- Hết/ End ---

A O V

1. Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.